

TỜ TRÌNH

(Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và 03 công ty do Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng sở hữu 100% vốn điều lệ;

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (*Báo cáo tài chính đã đăng tải công khai trên trang Website của Công ty*)

Do Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động của 03 đơn vị phụ thuộc thành 03 công ty TNHH một thành viên vào ngày 01/02/2016 nên để nội dung báo cáo phù hợp với các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội thường niên năm 2018 đã thông qua, sau đây tôi xin được trình bày:

- Mục A: Báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
- Mục B: Báo cáo tóm tắt số liệu tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và 03 công ty con do Cảng Hải Phòng nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Mục C: Báo cáo tóm tắt số liệu tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

MỤC A
BÁO CÁO TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CỦA CTCP CẢNG HẢI PHÒNG

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2018
I	Tài sản ngắn hạn	1.251.957.577.128
II	Tài sản dài hạn	3.749.500.020.273
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.001.457.597.401
IV	Nợ phải trả	1.252.686.504.824
V	Vốn chủ sở hữu	3.748.771.092.577
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.001.457.597.401

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Tổng doanh thu	1.267.086.141.289
2	Tổng chi phí	912.730.512.902
3	Lợi nhuận trước thuế	354.355.628.387
4	Lợi nhuận sau thuế	311.734.930.559

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	25,03%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	74,97%
2	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	25,05%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	74,95%
3	Khả năng thanh toán	
	- Khả năng thanh toán nhanh	2,24%
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	2,29%
4	Tỷ suất lợi nhuận	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,23%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	28,99%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	8,32%

MỤC B
BÁO CÁO TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CTCP CẢNG HẢI PHÒNG VÀ 03 CÔNG TY CON

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2018
I	Tài sản ngắn hạn	1.595.060.141.784
II	Tài sản dài hạn	3.452.524.333.425
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.047.584.475.209
IV	Nợ phải trả	1.298.813.382.632
V	Vốn chủ sở hữu	3.748.771.092.577
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.047.584.475.209

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Tổng doanh thu	1.631.286.369.358
2	Tổng chi phí	1.266.187.834.278
3	Lợi nhuận trước thuế	365.098.535.080
4	Lợi nhuận sau thuế	310.296.908.471

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	31,06%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	68,04%
2	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	25,73%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	74,27%
3	Khả năng thanh toán	
	- Khả năng thanh toán nhanh	2,63%
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	2,69%
4	Tỷ suất lợi nhuận	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,15%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	22,15%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	8,28%

MỤC C
BÁO CÁO TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT CỦA CTCP CẢNG HẢI PHÒNG

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2018
I	Tài sản ngắn hạn	2.319.794.813.283
II	Tài sản dài hạn	3.148.049.720.076
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.467.844.533.359
IV	Nợ phải trả	1.371.404.750.749
V	Vốn chủ sở hữu	4.096.439.782.610
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.467.844.533.359

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Tổng doanh thu	2.224.375.856.028
2	Tổng chi phí	1.657.776.134.345
3	Lãi/Lỗ từ công ty liên doanh liên kết	34.278.265.709
4	Lợi nhuận trước thuế	600.877.987.392
5	Lợi nhuận sau thuế	515.702.469.561

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	42,43%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	57,57%
2	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	25,08%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	74,92%
3	Khả năng thanh toán	
	- Khả năng thanh toán nhanh	3,48%
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	3,55%
4	Tỷ suất lợi nhuận	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,43%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	25,21%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	12,59%

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TKý Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phùng Xuân Hà

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



**Building a better
working world**

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 52

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng, là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty đã được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 7 năm 2014. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ tám được cấp ngày 12 tháng 10 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, logistics và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Kỳ	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Trương Văn Thái	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cao Trung Ngoan	Quyền Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2018
Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2018
Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 1 tháng 9 năm 2018 là Ông Nguyễn Hùng Việt và từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày lập báo cáo này là Ông Cao Trung Ngoan, Quyền Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Handwritten signature or stamp on the right margin.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và các công ty con") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Cao Trung Ngoan
Quyền Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61439020/20392163/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 10, số 17, số 19 và số 21. Công ty đã ghi nhận các tài sản hình thành trước thời điểm cổ phần hóa Công ty là cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 158,9 tỷ đồng và 28,1 tỷ đồng. Công ty cũng tạm ghi nhận giá trị các khoản vay liên quan đến các tài sản này và chi phí lãi vay phải trả với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 383,3 tỷ VND và 167,3 tỷ đồng. Theo Văn bản số 8715/BTC-PLN của Bộ Tài chính đề ngày 23 tháng 7 năm 2018, Bộ Tài chính đã kiến nghị rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị tài sản đối với 02 cầu cảng và các nội dung liên quan đến khoản vay nói trên. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đề nghị kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước để thống nhất phương án xử lý các nội dung nêu trên. Dựa trên các tài liệu hiện có, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần điều chỉnh các khoản mục nói trên và ảnh hưởng, nếu có, đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty và các công ty con.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

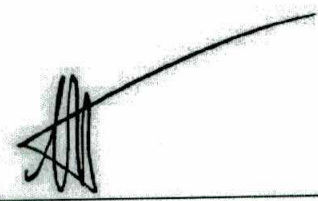
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2018 liên quan đến việc ghi nhận giá trị tài sản cố định và các khoản vay tương ứng được hình thành và phát sinh trước và sau thời điểm cổ phần hóa Công ty.

Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1


Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.319.794.813.283	2.085.080.943.795
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	394.491.321.799	283.689.798.159
111	1. Tiền		130.791.321.799	183.689.798.159
112	2. Các khoản tương đương tiền		263.700.000.000	100.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.524.240.170.263	1.350.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.524.240.170.263	1.350.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		318.280.811.715	362.604.792.314
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	293.229.957.185	239.791.355.195
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	17.279.249.074	116.964.964.718
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	40.338.656.671	31.561.032.572
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(32.567.051.215)	(25.712.560.171)
140	IV. Hàng tồn kho	9	49.481.635.464	41.924.584.941
141	1. Hàng tồn kho		49.481.635.464	41.924.584.941
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		33.300.874.042	46.361.768.381
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	18.390.312.723	16.370.409.530
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.781.986.352	26.449.827.257
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		4.128.574.967	3.541.531.594

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.148.049.720.076	3.174.672.457.553
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		293.986.000	320.986.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		293.986.000	320.986.000
220	II. Tài sản cố định		2.754.707.388.526	2.757.442.452.964
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.751.442.554.384	2.754.651.575.543
222	Nguyên giá		7.103.410.812.866	6.762.852.394.015
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.351.968.258.482)	(4.008.200.818.472)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.264.834.142	2.790.877.421
228	Nguyên giá		37.839.449.838	36.632.249.838
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.574.615.696)	(33.841.372.417)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		21.854.046.178	46.663.006.357
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	21.854.046.178	46.663.006.357
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	278.880.938.560	278.174.605.732
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		262.266.933.572	261.400.600.744
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.755.136.000	17.755.136.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.141.131.012)	(981.131.012)
260	V. Tài sản dài hạn khác		92.313.360.812	92.071.406.500
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	58.816.813.365	65.626.018.324
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	29.2	33.496.547.447	26.445.388.176
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.467.844.533.359	5.259.753.401.348

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.371.404.750.749	1.197.234.872.093
310	I. Nợ ngắn hạn		652.652.720.577	463.608.587.782
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	57.174.759.261	52.813.228.988
	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.547.140.308	4.022.069.602
312	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	43.692.940.429	31.506.874.219
313	4. Phải trả người lao động		159.811.213.082	116.226.950.214
314	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	170.000.051.055	132.576.176.131
315	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	149.413.050.642	19.265.787.566
319	7. Vay ngắn hạn	19	32.361.105.777	56.158.685.439
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	7.562.500.000
321	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	36.652.460.023	43.476.315.623
330	II. Nợ dài hạn		718.752.030.172	733.626.284.311
338	1. Vay dài hạn	19	706.941.288.357	725.015.885.896
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.2	11.810.741.815	8.610.398.415
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.096.439.782.610	4.062.518.529.255
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	4.096.439.782.610	4.062.518.529.255
411	1. Vốn cổ phần		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		72.599.527.038	72.599.527.038
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		364.436.958.452	269.015.348.989
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		426.203.609.627	534.734.008.439
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		189.495.467.784	185.902.929.414
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		236.708.141.843	348.831.079.025
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		576.901.378.802	529.871.335.898
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.467.844.633.359	5.159.753.401.348

Đào Ngọc Thành
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Cao Trung Ngoan
Quyền Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	2.045.549.032.433	2.068.935.989.867
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	23.1	2.045.549.032.433	2.068.935.989.867
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	1.394.752.091.904	1.350.009.103.782
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		650.796.940.529	718.926.886.085
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	106.340.510.742	75.903.730.475
22	7. Chi phí tài chính	25	59.152.373.792	66.487.799.379
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		43.238.171.219	44.672.760.922
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	13.1	34.278.265.709	30.547.685.275
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	203.321.027.910	209.895.528.929
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		528.942.315.278	548.994.973.527
31	12. Thu nhập khác	27	72.486.312.853	14.638.919.698
32	13. Chi phí khác		550.640.739	1.803.156.437
40	14. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		71.935.672.114	12.835.763.261
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		600.877.987.392	561.830.736.788
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	92.526.333.702	85.993.732.115
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.2	(7.350.815.871)	(7.461.738.021)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		515.702.469.561	483.298.742.694
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		367.492.141.843	341.264.660.453
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		148.210.327.718	142.034.082.241
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.124	903
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31		903

Đào Ngọc Thành
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Cao Trung Ngươn
Quyền Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		600.877.987.392	561.830.736.788
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		426.219.155.131	416.560.565.661
03	Hoàn nhập dự phòng		(548.008.956)	(4.881.235.143)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.668.065.089	18.341.710.814
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(205.763.582.646)	(102.944.929.263)
06	Chi phí lãi vay	25	43.238.171.219	44.672.760.922
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		877.691.787.229	933.579.609.779
09	Tăng các khoản phải thu		(44.242.344.463)	(12.477.241.477)
10	Tăng hàng tồn kho		(7.557.050.523)	(7.042.252.206)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		75.391.139.020	(39.949.268.087)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		4.789.301.766	(10.268.600.164)
14	Tiền lãi vay đã trả		(6.248.947.251)	(7.527.771.351)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(101.802.979.491)	(132.003.543.006)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		505.863.000	111.940.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(61.899.023.095)	(58.419.577.895)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		736.627.746.192	666.003.295.593
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(322.850.142.620)	(373.734.874.545)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		84.786.408.209	7.106.938.342
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.412.540.170.263)	(1.789.240.000.000)
24	Tiền thu hồi lại từ tiền gửi có kỳ hạn		2.238.800.000.000	1.446.721.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		127.268.097.641	93.710.231.325
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(284.535.807.033)	(615.436.704.878)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay		(56.914.930.137)	(66.203.805.602)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(285.538.579.000)	(220.618.449.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(342.453.509.137)	(286.822.255.302)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		109.638.430.022	(236.255.664.587)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		283.689.798.159	520.069.355.892
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.163.093.618	(123.893.146)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	394.491.321.799	283.689.798.159

Đào Ngọc Thành
Người lập

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Cao Trung Ngoan
Quyền Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 42

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng ("Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng, là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty đã được cổ phần hóa và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200236845 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 18 tháng 7 năm 2014. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ tám được cấp ngày 12 tháng 10 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh khai thác cảng, dịch vụ kho bãi, logistics và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 8A đường Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Xuân Kỳ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Trương Văn Thái	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018
Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cao Trung Ngoan	Quyền Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2018
Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2018
Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 1 tháng 9 năm 2018 là Ông Nguyễn Hùng Việt và từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày lập báo cáo này là Ông Cao Trung Ngoan, Quyền Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.


CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đề ngày 26 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Đại diện Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Hữu Ngoan
Quyền Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61439020/20392163

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 10, số 17, số 19 và số 21. Công ty đã ghi nhận các tài sản hình thành trước thời điểm cổ phần hóa Công ty là cầu cảng số 4, số 5 Bến cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng và gói thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 158,9 tỷ đồng và 28,1 tỷ đồng. Công ty cũng tạm ghi nhận giá trị các khoản vay liên quan đến các tài sản này và chi phí lãi vay phải trả với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 383,3 tỷ VND và 167,3 tỷ đồng. Theo Văn bản số 8715/BTC-PLN của Bộ Tài chính đề ngày 23 tháng 7 năm 2018, Bộ Tài chính đã kiến nghị rà soát lại cơ sở ghi nhận giá trị tài sản đối với 02 cầu cảng và các nội dung liên quan đến khoản vay nói trên. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đề nghị kiểm tra lại quá trình cổ phần hóa Công ty (trong bối cảnh hồ sơ quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm cổ phần hóa của Công ty chưa được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước để thống nhất phương án xử lý các nội dung nêu trên. Dựa trên các tài liệu hiện có, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần điều chỉnh các khoản mục nói trên và ảnh hưởng, nếu có, đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 26 tháng 3 năm 2019 đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề được trình bày trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" nêu trên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2018 liên quan đến việc ghi nhận giá trị tài sản cố định và các khoản vay tương ứng được hình thành và phát sinh trước và sau thời điểm cổ phần hóa Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.251.957.577.128	1.137.440.078.971
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	262.268.805.477	192.656.351.634
111	1. Tiền		77.568.805.477	137.656.351.634
112	2. Các khoản tương đương tiền		184.700.000.000	55.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		715.865.930.000	632.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	715.865.930.000	632.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		226.285.575.765	249.516.129.117
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	155.737.694.728	140.030.416.419
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	5.502.967.640	102.515.506.718
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	89.416.247.507	27.697.568.543
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(24.371.334.110)	(20.727.362.563)
140	IV. Hàng tồn kho	9	29.960.382.753	23.564.417.993
141	1. Hàng tồn kho		29.960.382.753	23.564.417.993
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		17.576.883.133	39.203.180.227
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	12.112.409.362	11.462.625.263
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.512.524.475	24.806.385.385
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.951.949.296	2.934.169.579

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.749.500.020.273	3.734.776.417.523
220	I. Tài sản cố định		2.310.777.402.750	2.295.537.110.043
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.308.444.332.750	2.293.328.652.043
222	Nguyên giá		4.636.365.694.127	4.360.384.732.454
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.327.921.361.377)	(2.067.056.080.411)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.333.070.000	2.208.458.000
228	Nguyên giá		31.901.695.138	31.428.695.138
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(29.568.625.138)	(29.220.237.138)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		21.188.709.815	33.480.659.498
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	21.188.709.815	33.480.659.498
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	13	1.359.205.224.474	1.353.866.941.472
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.279.501.691.109	1.279.501.691.109
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		83.143.237.464	83.143.237.464
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.755.136.000	17.755.136.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(21.194.840.099)	(26.533.123.101)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		58.328.683.234	51.891.706.510
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	24.873.511.169	25.863.583.852
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.2	33.455.172.065	26.028.122.658
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.001.457.597.401	4.872.216.496.494

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.252.686.504.824	1.072.655.217.693
310	I. Nợ ngắn hạn		545.745.216.467	347.639.331.797
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	44.334.034.616	37.264.293.910
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		375.082.942	291.947.960
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	36.949.497.326	22.473.274.842
314	4. Phải trả người lao động		96.414.325.135	69.465.561.186
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	169.456.324.734	132.371.289.553
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	138.472.760.561	9.725.519.792
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	32.361.105.777	31.062.332.302
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	7.562.500.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	27.382.085.376	37.422.612.252
330	II. Nợ dài hạn		706.941.288.357	725.015.885.896
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	706.941.288.357	725.015.885.896
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.748.771.092.577	3.799.561.278.801
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	3.748.771.092.577	3.799.561.278.801
411	1. Vốn cổ phần		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		217.294.930.168	161.622.388.578
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		261.876.162.409	368.338.890.223
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		80.925.231.850	85.976.294.447
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		180.950.930.559	282.362.595.776
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.001.457.597.404	4.872.216.496.494




Đào Ngọc Thành
Người lập



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng




Cao Trung Ngoan
Quyền Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.075.403.237.584	1.097.329.225.283
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	23.1	1.075.403.237.584	1.097.329.225.283
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	767.320.140.836	721.102.679.695
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		308.083.096.748	376.226.545.588
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	190.783.653.995	134.753.310.119
22	7. Chi phí tài chính	25	52.544.496.902	71.837.739.009
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		42.827.346.317	43.169.876.387
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	92.336.157.672	111.201.150.154
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		353.986.096.169	327.940.966.544
31	11. Thu nhập khác		899.249.710	1.323.489.046
32	12. Chi phí khác		529.717.492	522.363.250
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		369.532.218	801.125.796
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		354.355.628.387	328.742.092.340
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	50.047.747.235	54.727.971.724
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.2	(7.427.049.407)	(8.348.475.160)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		1.730.930.559	282.362.595.776



Đào Ngọc Thành
Người lập



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Cao Trung Ngoan
Quyền Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		354.355.628.387	328.742.092.340
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		260.483.428.728	245.240.987.555
03	(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng		(9.256.811.455)	6.117.282.160
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.332.533.772	18.468.858.463
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(187.742.524.847)	(133.898.425.982)
06	Chi phí lãi vay	25	42.827.346.317	43.169.876.387
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		473.999.600.902	507.840.670.923
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		(11.127.723.334)	(18.619.600.972)
10	Tăng hàng tồn kho		(6.395.964.760)	(5.782.644.296)
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		52.375.120.623	(15.879.503.357)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		340.288.584	(9.653.024.034)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.752.811.136)	(6.033.385.816)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(55.419.092.072)	(72.885.565.519)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		320.563.000	111.940.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(45.284.971.638)	(32.174.276.555)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		403.055.010.169	346.924.610.374
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(171.604.358.614)	(358.608.971.322)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.678.602.887
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(965.165.930.000)	(724.500.000.000)
24	Tiền thu hồi lại từ tiền gửi có kỳ hạn		881.800.000.000	574.981.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia từ công ty con		148.012.069.273	165.482.557.350
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(106.958.219.341)	(340.966.811.085)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
34	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền trả nợ gốc vay	21.3	(31.523.491.000)	(30.466.276.842)
36			Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(196.176.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(227.699.491.000)	(161.250.276.842)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		68.397.299.828	(155.292.477.553)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		192.656.351.634	348.069.094.448
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.215.154.015	(120.265.261)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	262.268.805.477	192.656.351.634



Đào Ngọc Thành
Người lập



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Cao Trung Ngoan
Quyền Tổng Giám đốc

Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2019